

Số: 2642 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 19 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn (đợt 6)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 và Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1504/QĐ-UBND ngày 22/4/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án sơ bộ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức bị ảnh hưởng do thu hồi đất để phục vụ đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư xây dựng dự án Khu đô thị Long Vân 1;

Căn cứ Quyết định số 4922/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất Dự án: Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để lập phương án bồi thường,

GPMB dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Tờ trình số 144/TTr-TTPTQĐ ngày 28/6/2023 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 846/TTr-STNMT ngày 14/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp cho các hộ dân bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng (GPMB) để thực hiện dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn (đợt 6), với một số nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **22.972.625.000 đồng** (Hai mươi hai tỷ, chín trăm bảy mươi hai triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 22.522.181.000 đồng.

- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 450.444.000 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 45.044.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường là 31.531.000 đồng).

(Chi tiết như Phụ lục kèm theo Quyết định này)

2. Nguồn vốn chi trả: Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt tại Điều 1 theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; bàn giao phần diện tích 515,5m² thu hồi đất nông nghiệp nằm ngoài ranh giới quy hoạch của dự án nêu trên cho UBND phường Trần Quang Diệu quản lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K4, K14, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

Phụ lục

**TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO CÁC HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG ĐỂ THỰC HIỆN
DỰ ÁN TRUNG TÂM TRÍ TUỆ NHÂN TẠO ĐÔ THỊ PHỤ TRỢ TẠI PHƯỜNG TRẦN QUANG DIỆU VÀ PHƯỜNG BUI THỊ XUÂN,
THÀNH PHỐ QUY NHƠN (ĐỢT 6)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích đất bị thu hồi					Giá trị bồi thường, hỗ trợ							Nhân khẩu hộ trợ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
			Tổng DT thu hồi	Ngoài quy hoạch	Trong quy hoạch			Bồi thường đất nông nghiệp		Hỗ trợ bằng mức BT	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm		Vật kiến trúc, cây cối, hoa màu	Hỗ trợ ổn định đời sống		
					B thường	HT=BT	không BT, HT	Trong quy hoạch	Ngoài quy hoạch		Trong quy hoạch	Ngoài quy hoạch				
a	b	c	d	e	f	g	h	i	k	l	m	n	o	p	q	r = i+...+p
1	Hộ ông Huỳnh Văn Nô	Tổ 6, KP2, P. Trần Quang Diệu	1.254,10		1.254,10			204.167.480			556.820.400		5.643.450	22.320.000	10	788.951.000
2	Hộ ông Nguyễn Hữu Chí	Tổ 1, KP 7, P. Trần Quang Diệu	1.143,50		1.143,50			186.161.800			507.714.000		7.245.750	22.320.000	10	723.442.000
3	Hộ ông Nguyễn Hữu Đức (chết), vợ: Nguyễn Thị Trọng	Tổ 11, KP2, P. Trần Quang Diệu	1.110,70		977,96		132,74	159.211.888			434.214.240		4.400.820	14.508.000	13	612.335.000
4	Hộ ông Nguyễn Văn Trung (chết), con: Nguyễn Văn Phúc	Tổ 10, KP2, P. Trần Quang Diệu	284,50		284,50			46.316.600			126.318.000		1.280.250	7.812.000	7	181.727.000
5	Hộ ông Huỳnh Thủ (chết), cháu nội: Huỳnh Văn Lành – ĐDKK	Tổ 11, KP2, P. Trần Quang Diệu	792,90		792,90			129.084.120			352.047.600		3.568.050	37.944.000	17	522.644.000
6	Hộ ông Nguyễn Hữu Phương (chết), con dâu: Nguyễn Thị Vân	Tổ 9, KP2, P. Trần Quang Diệu	686,62		686,62			111.781.736			304.859.280		2.745.450	29.016.000	13	448.402.000
7	Hộ ông Phan Ngọc Tùng	Tổ 11, KP2, P. Trần Quang Diệu	364,40		364,40			59.324.320			161.793.600		1.639.800	35.712.000	16	258.470.000
8	Hộ ông Lê Công Kỹ	Tổ 11, KP2, P. Trần Quang Diệu	348,10		348,10			56.670.680			154.556.400		1.566.450	12.276.000	11	225.070.000
9	Hộ ông Nguyễn Xiếp (chết), con: Nguyễn Văn Tờ - ĐDKK	Tổ 11, KP 2, P. Trần Quang Diệu.	769,00		742,00	27,00		120.797.600		4.395.600	329.448.000		3.460.500	14.508.000	13	472.610.000

TT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích đất bị thu hồi					Giá trị bồi thường, hỗ trợ							Nhân khẩu hỗ trợ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
			Tổng DT thu hồi	Ngoài quy hoạch	Trong quy hoạch			Bồi thường đất nông nghiệp		Hỗ trợ bằng mức BT	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm		Vật kiến trúc, cây cối, hoa màu	Hỗ trợ ổn định đời sống		
					B thường	HT=BT	không BT, HT	Trong quy hoạch	Ngoài quy hoạch		Trong quy hoạch	Ngoài quy hoạch				
a	b	c	d	e	f	g	h	i	k	l	m	n	o	p	q	r = i+...+p
10	Hộ ông Mai Văn Thuận, Vợ: Nguyễn Thị Hai	Tổ 10, KP 4, P. Trần Quang Diệu.	588,10		588,10			95.742.680			261.116.400		2.646.450	5.580.000	5	365.086.000
11	Hộ ông Mai Văn Thận	Tổ 2, KP 4, P. Trần Quang Diệu.	3.665,50		3.665,50			596.743.400			1.627.482.000		45.564.550	33.480.000	15	2.303.270.000
12	Hộ ông Bùi Sĩ Pha	Tổ 4, KP 4, P. Trần Quang Diệu	990,30		990,30			161.220.840			439.693.200		4.456.350	22.320.000	10	627.690.000
13	Hộ ông Trần Văn Hội	Tổ 4, KP 4, P. Trần Quang Diệu.	2.034,47		2.034,47			331.211.716			903.304.680		9.001.935	17.856.000	8	1.261.374.000
14	Hộ ông Trần Chí Can	Tổ 8, KP 4, P. Trần Quang Diệu	674,00		674,00			109.727.200			299.256.000		3.033.000	6.696.000	3	418.712.000
15	Bà Trần Thị Hồng	Tổ 8, KP 4, P. Trần Quang Diệu.	218,80		218,80			35.620.640			97.147.200		984.600	14.508.000	13	148.260.000
16	Hộ ông Nguyễn Thế Quyền	Tổ 5, KP 7, P. Trần Quang Diệu.	164,60		164,60			26.796.880			73.082.400		740.700			100.620.000
17	Hộ ông Phạm Văn Lập (chết), con: Phạm Hoàng Thân - ĐDKK	Tổ 5, KP 4, P. Trần Quang Diệu	3.848,23	238,70	3.545,73	63,80		577.244.844	38.860.360	10.386.640	1.574.304.120	105.982.800	17.029.935	22.320.000	5	2.346.129.000
18	Hộ ông Bùi Văn Minh	Tổ 5, KP 4, P. Trần Quang Diệu	545,30		545,30			88.774.840			242.113.200		2.453.850	12.276.000	11	345.618.000
19	Hộ ông Nguyễn Văn Thọ	Tổ 3, KP 4, P. Trần Quang Diệu	1.058,99		1.013,49	45,50		164.996.172		7.407.400	449.989.560		4.765.455	22.320.000	10	649.479.000
20	Hộ ông Phan Đình Khèo	Tổ 5, KP 4, P. Trần Quang Diệu	1.137,10		1.137,10			185.119.880			504.872.400		5.116.950	14.508.000	13	709.617.000
21	Hộ ông Mai Văn Cẩn (chết), vợ: Tô Thị Hồng	Tổ 2, KP 4, P. Trần Quang Diệu	1.773,30		1.773,30			288.693.240			787.345.200		26.528.470	8.928.000	4	1.111.495.000

TT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích đất bị thu hồi					Giá trị bồi thường, hỗ trợ							Nhân khẩu hộ trợ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
			Tổng DT thu hồi	Ngoài quy hoạch	Trong quy hoạch			Bồi thường đất nông nghiệp		Hỗ trợ bằng mức BT	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm		Vật kiến trúc, cây cối, hoa màu	Hỗ trợ ổn định đời sống		
					B thường	HT=BT	không BT, HT	Trong quy hoạch	Ngoài quy hoạch		Trong quy hoạch	Ngoài quy hoạch				
a	b	c	d	e	f	g	h	i	k	l	m	n	o	p	q	r = i+...+p
22	Ong Nguyễn Thành Tâm và các thành viên trong hộ bà Phùng Thị Hoa (chết)	Tổ 1, KP 4, P. Trần Quang Diệu	527,10		527,10			85.811.880			234.032.400		2.371.950	5.580.000	5	327.796.000
23	Hộ ông Tô Tám	Tổ 3, KP 4, P. Trần Quang Diệu	959,00		959,00			156.125.200			425.796.000		4.315.500	5.580.000	5	591.817.000
24	Hộ ông Nguyễn Minh Thoại	Tổ 3, KP 4, P. Trần Quang Diệu	1.489,30	115,80	1.373,50			223.605.800	18.852.240		609.834.000	51.415.200	166.981.700	31.248.000	14	1.101.937.000
25	Hộ ông Trần Đức Khương (chết), vợ: Lê Thị Kim Liêm	Tổ 8, KP4, P. Trần Quang Diệu	1.863,70		1.863,70			303.410.360			827.482.800		8.386.650	62.496.000	14	1.201.776.000
26	Hộ ông Trần Cảnh (chết), con: Trần Ngọc Anh – ĐDKK	Tổ 8, KP2, P. Trần Quang Diệu	805,40		805,40			131.119.120			357.597.600		3.494.250	20.088.000	9	512.299.000
27	Hộ ông Trần Ngọc Anh	Tổ 8, KP2, P. Trần Quang Diệu	564,20		564,20			91.851.760			250.504.800		2.538.900	13.392.000	6	358.287.000
28	Hộ ông Phạm Văn Quang	Tổ 4, KP4, P. Trần Quang Diệu	686,70		686,70			111.794.760			304.894.800		2.930.400	2.232.000	1	421.852.000
29	Hộ ông Nguyễn Hữu Tho (chết), vợ: Nguyễn Thị Chút	Tổ 3, KP4, P. Trần Quang Diệu	849,90		849,90			138.363.720			377.355.600		3.824.550	11.160.000	10	530.704.000
30	Hộ ông Nguyễn Hữu Thơm (chết), con: Nguyễn Hữu Khôi – ĐDKK	Tổ 2, KP4, P. Trần Quang Diệu.	1.258,10	104,40	1.153,70			187.822.360	16.996.320		512.242.800	46.353.600	14.061.450	11.160.000	5	788.637.000
31	Hộ bà Trần Thị Giêng, con: Trần Quốc Ái – ĐDKK	Tổ 3, KP4, P. Trần Quang Diệu	1.814,30		1.814,30			295.368.040			805.549.200		8.059.050	29.016.000	13	1.137.992.000
32	Hộ ông Nguyễn Hữu Ty	Tổ 2, KP4, P. Trần Quang Diệu.	601,80	56,60	545,20			88.758.560	9.214.480		242.068.800	25.130.400	2.708.100	8.928.000	2	376.808.000

TT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích đất bị thu hồi					Giá trị bồi thường, hỗ trợ							Nhân khẩu hỗ trợ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
			Tổng DT thu hồi	Ngoài quy hoạch	Trong quy hoạch			Bồi thường đất nông nghiệp		Hỗ trợ bằng mức BT	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm		Vật kiến trúc, cây cối, hoa màu	Hỗ trợ ổn định đời sống		
					B thường	HT=BT	không BT, HT	Trong quy hoạch	Ngoài quy hoạch		Trong quy hoạch	Ngoài quy hoạch				
a	b	c	d	e	f	g	h	i	k	l	m	n	o	p	q	r = i+...+p
33	Bà Đoàn Thị Tha	Tổ 6, KP7, P. Nhơn Phú	608,20		608,20			99.014.960					2.736.900			101.752.000
34	Hộ ông Phan Hào (chết), vợ: Nguyễn Thị Liên	Tổ 2, KP4, P. Trần Quang Diệu.	717,10		717,10			116.743.880			318.392.400		3.226.950	11.160.000	5	449.523.000
I	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ															22.522.181.000
II	Chi phí phục vụ GPMB (2%)															450.444.000
III	Tổng cộng (I) + (II)															22.972.625.000

